Họ và tên: ……

Lớp: ……

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2 – ĐỀ 2

Môn: Toán – Lớp 3

Bộ sách: Cánh diều

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM

(*Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng*)

Câu 1. Số bé nhất có bốn chữ số khác nhau là:

A. 9876 **B.** 1000 **C.** 1023 **D.** 1230

Câu 2. Cho hình vẽ sau:

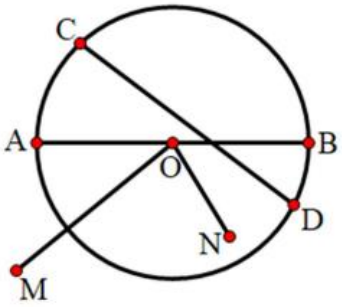

Hình tròn tâm O có bán kính là:

A. OM **B.** AB **C.** OA **D.** ON

Câu 3. Một hình vuông có chu vi bằng 36 cm. Diện tích của hình vuông đó là:

A. 24 cm^2 **B.** 81 cm^2 **C.** 60 cm^2 **D.** 72 cm^2

Câu 4. Làm tròn số 64 719 đến hàng chục nghìn ta được:

A. 60 000 **B.** 70 000 **C.** 64 000 **D.** 65 000

Câu 5. Hôm nay là ngày 28 tháng 5. Còn 5 ngày nữa An sẽ tham dự trại hè do thành phố tổ chức. Hỏi An sẽ tham dự trại hè vào ngày nào?

A. Ngày 1 tháng 6 **B.** Ngày 2 tháng 6

C. Ngày 3 tháng 6 **D.** Ngày 4 tháng 6

Câu 6. Xưởng sản xuất của bác Nam cần lắp đặt 3 000 chiếc ghế. Mỗi chiếc ghế cần dùng 8 chiếc đinh vít nhưng xưởng của bác mới chỉ có 15 700 chiếc đinh vít. Vậy số đinh vít xưởng sản xuất của bác Nam còn thiếu là:

A. 8 300 chiếc **B.** 2 400 chiếc

C. 7 500 chiếc **D.** 9 200 chiếc

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Điền vào chỗ trống:

- Số 54 625 đọc là ……..

- Đồng hồ bên chỉ …… giờ ……. phút

- 8m 15mm = …… mm

Câu 2. Đặt tính rồi tính

a) 21 607 x 4

……..

……..

……..

b) 40 096 : 7

……..

……..

……..

Câu 3. Tính giá trị của biểu thức

a) 81 025 – 12 071 x 6

……

……

……

b) (4 320 – 2112) x 7

……..

……..

……..

Câu 4. Hoa vào cửa hàng tiện lợi mua 1 gói bánh hết 29 000 đồng và 1 hộp sữa có dung tích 1 ℓ giá 33 000 đồng. Hoa đưa cho cô bán hàng một số tiền và được trả lại 8 000 đồng. Hỏi Hoa đã đưa cho cô bán hàng bao nhiêu tiền?

……

……

……

……

……

Câu 5. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 18 m, chiều dài hơn chiều rộng 5 m. Tính chu vi và diện tích mảnh vườn đó.

……

……

……

……

……

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số bé nhất có bốn chữ số khác nhau là:

A. 9876 **B.** 1000 **C.** 1023 **D.** 1230

Phương pháp

Dựa vào kiến thức số tự nhiên để chọn đáp án thích hợp.

Cách giải

Số bé nhất có bốn chữ số khác nhau là 1023.

Chọn C.

Câu 2. Cho hình vẽ sau:

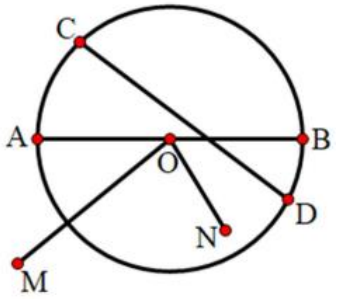

Phương pháp

Bán kính là đoạn thẳng nối tâm với một điểm nằm trên đường tròn.

Cách giải

Hình tròn tâm O có bán kính là OA.

Chọn C

Câu 3. Một hình vuông có chu vi bằng 36 cm. Diện tích của hình vuông đó là:

A. 24 cm^2 **B.** 81 cm^2 **C.** 60 cm^2 **D.** 72 cm^2

Phương pháp

- Tìm độ dài cạnh hình vuông = Chu vi hình vuông : 4
- Diện tích hình vuông = cạnh x cạnh

Cách giải

Độ dài cạnh hình vuông là

36 : 4 = 9 (cm)

Diện tích của hình vuông đó là

9 x 9 = 81 (cm^2)

Đáp số: 81 cm^2

Câu 4. Làm tròn số 64 719 đến hàng chục nghìn ta được:

A. 60 000 **B.** 70 000 **C.** 64 000 **D.** 65 000

Phương pháp

Khi làm tròn số đến hàng chục nghìn, ta so sánh chữ số hàng nghìn với 5. Nếu chữ số hàng nghìn bé hơn 5 ta làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên.

Cách giải

Làm tròn số 64 719 đến hàng chục nghìn ta được số 60 000 (Vì chữ số hàng nghìn là 4 < 5)

Chọn A.

Câu 5. Hôm nay là ngày 28 tháng 5. Còn 5 ngày nữa An sẽ tham dự trại hè do thành phố tổ chức. Hỏi An sẽ tham dự trại hè vào ngày nào?

A. Ngày 1 tháng 6 **B.** Ngày 2 tháng 6

C. Ngày 3 tháng 6 **D.** Ngày 4 tháng 6

Phương pháp

Tháng 5 có 31 ngày.

Dựa vào đó em xác định ngày An bắt đầu tham dự trại hè.

Cách giải

Tháng 5 có 31 ngày.

Hôm nay là ngày 28 tháng 5. Còn 5 ngày nữa An sẽ tham dự trại hè do thành phố tổ chức. Vậy An sẽ tham dự trại hè vào ngày 2 tháng 6.

Chọn B.

Câu 6. Xưởng sản xuất của bác Nam cần lắp đặt 3 000 chiếc ghế. Mỗi chiếc ghế cần dùng 8 chiếc đinh vít nhưng xưởng của bác mới chỉ có 15 700 chiếc đinh vít. Vậy số đinh vít xưởng sản xuất của bác Nam còn thiếu là:

A. 8 300 chiếc **B.** 2 400 chiếc

C. 7 500 chiếc **D.** 9 200 chiếc

Phương pháp

- Tìm số chiếc đinh vít cần dùng = Số chiếc đinh vít cần cho mỗi chiếc ghế x số chiếc ghế
- Tìm số chiếc đinh vít còn thiếu = Số chiếc đinh vít cần dùng – số chiếc đinh vít đã có

Cách giải

Số chiếc đinh vít cần dùng để lắp đặt 3000 cái ghế là

3000 x 8 = 24 000 (chiếc)

Số đinh vít xưởng sản xuất của bác Nam còn thiếu là

24 000 – 15 700 = 8 300 (chiếc)

Đáp số: 8 300 chiếc

Chọn A.

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Điền vào chỗ trống:

- Số 54 625 đọc là ……..

- Đồng hồ bên chỉ …… giờ ……. phút

- 8m 15mm = …… mm

Phương pháp

- Để đọc số ta đọc lần lượt từ hàng chục nghìn, hàng nghìn, hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị

- Quan sát giờ trên đồng hồ rồi điền số thích hợp

- Áp dụng cách đổi: 1 m = 1 000 mm

Cách giải

- Số 54 625 đọc là **Năm mươi tư nghìn sáu trăm hai mươi lăm.**

- Đồng hồ bên chỉ **4** giờ **13** phút

- 8m 15mm = **8 015** mm

Câu 2. Đặt tính rồi tính

a) 21 607 x 4 b) 40 096 : 7

Phương pháp

- Đặt tính theo quy tắc đã học

- Nhân lần lượt thừa số thứ hai với từng chữ số của thừa số thứ nhất, lần lượt từ phải sang trái.

- Chia lần lượt từ trái sang phải

Cách giải

a)
$$\begin{array}{r} 21607 \\ \times \quad 4 \\ \hline 86428 \end{array}$$

b)
$$\begin{array}{r|l} 40096 & 7 \\ \hline 50 & 5728 \\ 19 & \\ 56 & \\ 0 & \end{array}$$

Câu 3. Tính giá trị của biểu thức

a) 81 025 – 12 071 x 6 b) (4 320 – 2112) x 7

Phương pháp

- Với biểu thức có chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia, ta thực hiện phép tính nhân, chia trước, thực hiện phép tính cộng, trừ sau.

- Với biểu thức có chứa dấu ngoặc, ta thực hiện phép tính trong ngoặc trước.

Cách giải

a) 81 025 – 12 071 x 6 = 81 025 – 72 426

= 8 599

b) (4 320 – 2112) x 7 = 2 208 x 7

= 15 456

Câu 4. Hoa vào cửa hàng tiện lợi mua 1 gói bánh hết 29 000 đồng và 1 hộp sữa có dung tích 1 ℓ giá 33 000 đồng. Hoa đưa cho cô bán hàng một số tiền và được trả lại 8 000 đồng. Hỏi Hoa đã đưa cho cô bán hàng bao nhiêu tiền?

Phương pháp

- Tìm tổng số tiền Hoa đã mua = Số tiền 1 gói bánh + Số tiền 1 hộp sữa

- Tìm số tiền Hoa đưa cho cô bán hàng = Tổng số tiền Hoa đã mua + Số tiền được trả lại

Cách giải

Số tiền Hoa mua 1 gói bánh và 1 hộp sữa là

29 000 + 33 000 = 62 000 (đồng)

Số tiền Hoa đưa cho cô bán hàng là

62 000 + 8 000 = 70 000 (đồng)

Đáp số: 70 000 đồng

Câu 5. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 18 m, chiều dài hơn chiều rộng 5 m. Tính chu vi và diện tích mảnh vườn đó.

Phương pháp

- Tìm chiều rộng của mảnh vườn = Chiều dài – 5 m

- Chu vi của mảnh vườn = (chiều dài + chiều rộng) x 2

- Diện tích mảnh vườn = Chiều dài x chiều rộng

Cách giải

a) Chiều rộng của mảnh vườn là

18 – 5 = 13 (m)

Chu vi của mảnh vườn là

(18 + 13) x 2 = 62 (m)

b) Diện tích của mảnh vườn là

18 x 13 = 234 (m^2)

Đáp số: a) 62m

b) 234 m^2